

Số: 08/NQ-HĐKĐCLGD

*Đà Nẵng, ngày 22 tháng 4 năm 2018*

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục**  
**Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang**

Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục (sau đây gọi là Hội đồng) thuộc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng đã họp ngày 22/4/2018 để thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang. Hội đồng đã nghiên cứu Hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục. Hội đồng đã nghe đại diện lãnh đạo Nhà trường báo cáo tóm tắt kết quả tự đánh giá, đại diện Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài báo cáo tóm tắt quy trình và tổng hợp kết quả đánh giá ngoài. Trên cơ sở đó, Hội đồng đã thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua kết quả đánh giá chất lượng giáo dục đối với Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang với số phiếu tán thành là 11/11/11.

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu của phiên họp, Hội đồng:

**QUYẾT NGHỊ:**

1. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang đã thực hiện đánh giá chất lượng theo đúng các quy định hiện hành, độc lập, khách quan, công khai, minh bạch; kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường. Nhà trường cũng đồng ý với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang cho thấy, số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 47 tiêu chí (trong tổng số 55 tiêu chí), chiếm 85,45%. Trong đó, tất cả các tiêu chuẩn đều có ít nhất 01 tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (Phụ lục 1)

2. Kết quả đánh giá cho thấy, Nhà trường có những điểm mạnh (Phụ lục 2), tuy nhiên cũng còn những điểm cần phải khắc phục, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Căn cứ Hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng kiến nghị với Nhà trường các giải pháp cải tiến chất lượng (Phụ lục 3).

3. Căn cứ theo Điều 27, Thông tư số 62/2012/BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng kiến nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang theo các quy định hiện hành.

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD**  
**CHỦ TỊCH**  
**(đã ký)**

**GIÁM ĐỐC**  
**TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**  
**– ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**  
**PGS.TS. Đoàn Quang Vinh**

**PHỤ LỤC 1**  
**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG NHÀ TRANG**  
(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐKĐCLGD ngày 22 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHN)

**KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ (TĐG) VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI (ĐGN)**

Tiêu chuẩn, Tiêu chí	TĐG	ĐGN
<b>Tiêu chuẩn 1:</b>		
Tiêu chí 1.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 1.2	Đạt	Đạt
<b>Tiêu chuẩn 2:</b>		
Tiêu chí 2.1	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 2.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.7	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.8	Đạt	Đạt
Tiêu chí 2.9	Đạt	Đạt
<b>Tiêu chuẩn 3:</b>		
Tiêu chí 3.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.4	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 3.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 3.6	Đạt	Đạt
<b>Tiêu chuẩn 4:</b>		
Tiêu chí 4.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.7	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.8	Đạt	Đạt
Tiêu chí 4.9	Đạt	Chưa đạt
<b>Tiêu chuẩn 5:</b>		
Tiêu chí 5.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.2	Đạt	Đạt

Tiêu chuẩn, Tiêu chí	TĐG	ĐGN
Tiêu chí 5.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.4	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 5.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 5.7	Đạt	Đạt
<b>Tiêu chuẩn 6:</b>		
Tiêu chí 6.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 6.4	Chưa đạt	Chưa đạt
<b>Tiêu chuẩn 7:</b>		
Tiêu chí 7.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 7.5	Đạt	Chưa đạt
<b>Tiêu chuẩn 8:</b>		
Tiêu chí 8.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 8.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 8.3	Đạt	Đạt
Tiêu chí 8.4	Đạt	Đạt
Tiêu chí 8.5	Đạt	Đạt
Tiêu chí 8.6	Đạt	Đạt
Tiêu chí 8.7	Đạt	Chưa đạt
Tiêu chí 8.8	Đạt	Đạt
<b>Tiêu chuẩn 9:</b>		
Tiêu chí 9.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.2	Đạt	Đạt
Tiêu chí 9.3	Đạt	Đạt
<b>Tiêu chuẩn 10:</b>		
Tiêu chí 10.1	Đạt	Đạt
Tiêu chí 10.2	Đạt	Chưa đạt

## TỔNG HỢP CHUNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NGOÀI

Tiêu chuẩn	Số tiêu chí trong từng tiêu chuẩn	Kết quả đánh giá			
		Đạt		Chưa đạt	
		Số tiêu chí	Tỷ lệ	Số tiêu chí	Tỷ lệ
Tiêu chuẩn 1	2	2	100%	0	0%
Tiêu chuẩn 2	9	8	88,89%	1	11,11%
Tiêu chuẩn 3	6	5	83,33%	1	16,67%
Tiêu chuẩn 4	9	8	88,89%	1	11,11%
Tiêu chuẩn 5	7	6	85,71%	1	14,29%
Tiêu chuẩn 6	4	3	75%	1	25%
Tiêu chuẩn 7	5	4	80%	1	20%
Tiêu chuẩn 8	8	7	87,50%	1	12,50%
Tiêu chuẩn 9	3	3	100%	0	0%
Tiêu chuẩn 10	2	1	50%	1	50%
<b>Tổng</b>	<b>55</b>	<b>47</b>	<b>85,45%</b>	<b>8</b>	<b>14,55%</b>

### Tổng hợp

Kết quả đánh giá	Đạt	Chưa đạt	Không đánh giá
Số tiêu chí/tổng số	47/55	8/55	0
Tỷ lệ %	85,45%	14,55%	0

## **PHỤ LỤC 2**

### **CÁC ĐIỂM MẠNH CỦA TRƯỜNG CĐ SỬ PHẠM TRUNG ƯƠNG NHA TRANG**

(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐKĐCLGD ngày 22 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHĐN)

#### **1) Sứ mạng và mục tiêu của trường cao đẳng**

Sứ mạng của Nhà trường được xác định và tuyên bố rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển trở thành cơ sở đào tạo đa ngành trình độ cao đẳng trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn. Sứ mạng của Nhà trường đã gắn kết với nhu cầu sử dụng nhân lực của địa phương và của ngành thể hiện qua các văn bản nghị quyết, quy hoạch về phát triển giáo dục tỉnh Khánh Hòa và một số địa phương.

Mục tiêu điều chỉnh của Nhà trường trong “Chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn 2025” phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ cao đẳng quy định tại Luật giáo dục, phù hợp với sứ mạng và định hướng phát triển của Trường. Nhà trường triển khai thực hiện mục tiêu thông qua các Nghị quyết của Đảng ủy, Nghị quyết Hội nghị CBVC, các kế hoạch trọng tâm và nhiệm vụ từng năm học của Trường và của các đơn vị.

#### **2) Tổ chức và quản lý**

Trong quá trình phát triển, cùng với việc điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động, cơ cấu tổ chức của trường cũng được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được quy định rõ ràng trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường. Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đáp ứng các tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị đạo đức và trình độ chuyên môn theo quy định, đã triển khai các hoạt động theo trách nhiệm và quyền hạn. Ngoài Hội đồng KH&ĐT cấp trường, Nhà trường còn thành lập Hội đồng KH&ĐT cấp khoa và tương đương. Hội đồng KH&ĐT Nhà trường đã có những hoạt động về xây dựng và điều chỉnh CTĐT, tổ chức một số hội thảo khoa học và hoạt động KHCN.

Nhà trường đã thành lập các bộ phận chức năng (phòng/ban), các khoa và các bộ môn thuộc khoa theo quy định Điều lệ trường cao đẳng được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường. Chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị được quy định rõ trong Quy chế tổ chức và hoạt động; trách nhiệm và quyền hạn của từng cá nhân trong đơn vị cũng được phân công tại bảng mô tả vị trí công việc theo từng đơn vị. Nhà trường có Trung tâm Bồi dưỡng kiến thức, Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ Giáo dục Đặc biệt, Trường Mầm non Thực hành được thành lập và hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ đã được quy định, có nhiều hoạt động thiết thực đóng góp cho công tác đào tạo (tư vấn, hướng dẫn thực hành, thực tập sư

phạm) và NCKH của trường. Nhà trường có Phòng Đảm bảo chất lượng với 04 cán bộ đã qua nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng về hoạt động ĐBCL, trong đó 01 cán bộ đã có thể kiểm định viên KĐCLGD. Trong 5 năm gần đây, Nhà trường đều có kế hoạch hoạt động và báo cáo kết quả về công tác ĐBCL hằng năm.

Đảng bộ Trường có kế hoạch và chương trình hoạt động cụ thể trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, có lịch tiếp CBVC, thực hiện dân chủ cơ sở, tăng cường sự đoàn kết và phát huy tốt vai trò lãnh đạo trong các hoạt động của Trường. Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và Hội khuyến học được thành lập và hoạt động trong khuôn khổ của pháp luật và điều lệ, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục và sự phát triển của trường. Nhà trường đã ban hành Quy chế dân chủ cơ sở, có kế hoạch triển khai và tổ chức các hình thức tiếp nhận ý kiến đóng góp của CBVC về các chủ trương, chính sách và kế hoạch hoạt động của trường.

Đội ngũ CBQL của Trường hiện có 30 người trong đó 63,4% CBQL có trình độ sau đại học, có cơ cấu cân bằng về giới tính, độ tuổi được phân bổ có tính kế thừa hợp lý. Đội ngũ CBQL được bổ nhiệm đúng quy định về phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn, trong quá trình công tác đã thể hiện đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm và năng lực quản lý, xây dựng được khối đoàn kết nhất trí cao trong các mặt hoạt động, được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ và được các cấp khen thưởng.

### **3) Chương trình đào tạo**

Tất cả 9 CTĐT của Nhà trường đều được xây dựng theo các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và các văn bản về quy định xây dựng CTĐT do Trường ban hành. Các CTĐT của Nhà trường có đầy đủ đề cương chi tiết, tập bài giảng và giáo trình, tài liệu tham khảo cho SV. Khảo sát thực tế tại thư viện cho thấy số lượng giáo trình đủ cho SV sử dụng tại chỗ và mượn về nhà; có phần mềm hỗ trợ để tra cứu tài liệu. Kinh phí hằng năm dành cho mua tài liệu học tập đảm bảo đủ cho Thư viện Nhà trường phục vụ tốt nhu cầu tham khảo của GV và SV theo đề nghị của các khoa, bộ môn.

Các CTĐT của Nhà trường đều tham khảo CTĐT của Trường CĐSPTU Hà Nội, Trường CĐSPTU TP. HCM và các trường CĐ, ĐH khác trong nước. Ngoài ra, Nhà trường có tham khảo ý kiến của các chuyên gia, nhà tuyển dụng, cựu SV và các CB, GV cùng chuyên ngành đào tạo tại Trường khi xây dựng mới hoặc điều chỉnh CTĐT. Thống kê cho thấy Nhà trường có 3 mốc rà soát và điều chỉnh CTĐT (năm 2011, 2013, 2016). Tổng số đề cương chi tiết học phần được xây dựng mới và điều chỉnh trong 3 mốc thời gian nêu trên là 1080 lượt. Số đề cương bài giảng hiện có là 950.

Các CTĐT có cấu trúc hợp lý, đáp ứng tốt yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ cao đẳng. Sản phẩm đào tạo của Nhà trường được các nhà tuyển dụng, các cựu SV đánh giá cao. CTĐT của 5 ngành hiện đang được tuyển sinh và đào tạo đều được nhà trường xây dựng, điều chỉnh theo hướng liên thông cả hai chiều: Liên thông ngang và liên thông dọc. Nhà trường đã liên kết với các trường đại học như: ĐH Quy Nhơn, ĐHSPT Hà Nội, ĐHSPT TDTT Hà Nội để đào tạo liên thông bậc đại học.

#### **4) Hoạt động đào tạo**

Nhà trường triển khai công tác tuyển sinh theo đúng quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT, có Đề án tuyển sinh; Thông tin tuyển sinh cung cấp cho xã hội đầy đủ thông qua trang thông tin điện tử. Nhà trường tổ chức đào tạo bám sát mục tiêu, nội dung CTĐT đã được xây dựng và ban hành theo quy định của Bộ GD&ĐT. Nhà trường đã thực hiện lấy ý kiến góp ý từ GV, người tốt nghiệp, nhà tuyển dụng để tìm hiểu mức độ đáp ứng nhu cầu xã hội của CTĐT.

Nhà trường đã thực hiện việc thống kê số liệu người tốt nghiệp và công khai số liệu này trên trang thông tin điện tử. Từ năm 2013, Nhà trường giao cho các khoa nhiệm vụ khảo sát người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo.

Nhà trường đã xây dựng văn bản hướng dẫn, chỉ đạo các khoa đổi mới phương pháp dạy học, tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị. Ngoài ra, Nhà trường đã ban hành các quy định về việc đánh giá xếp loại giờ dạy, về tổ chức thi GV dạy giỏi và tiến hành khảo sát lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của GV.

Nhà trường đã xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản quy định việc kiểm tra đánh giá, thực hiện phong phú, đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá: trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, báo cáo, bài tập nghiên cứu, tiểu luận...

Nhà trường đã lưu trữ KQHT của người học bằng hệ thống sổ sách song song với phần mềm Essoft; sổ sách quản lý việc cấp phát văn bằng tốt nghiệp được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo từng khóa học, ngành đào tạo, năm học. Việc kiểm tra, đối chiếu, quản lý kết quả học tập của người học được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo chính xác, an toàn. Nhà trường thông báo kết quả học tập của người học công khai, kịp thời.

Nhà trường đã có hệ thống cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo, như: Hệ thống các văn bản quy phạm nội bộ phục vụ quản lý và điều chỉnh quá trình đào tạo; hồ sơ quản lý đào tạo (Tuyển sinh, chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, quy trình kiểm tra, đánh giá, sổ sách lưu trữ kết quả học phần, kết quả tốt nghiệp, sổ gốc cấp

phát văn bằng chứng chỉ); hồ sơ người học; phần mềm quản lý đào tạo; trang thông tin điện tử.

Nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến người học sau tốt nghiệp, nhà tuyển dụng lao động thông qua phiếu câu hỏi, phỏng vấn, các hội thảo, hội nghị nhằm đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường.

#### **5) Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên**

Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Trường CDSPTU Nha Trang vào năm 2009 và điều chỉnh Quy chế vào các năm 2013, 2014, 2017 cho phù hợp với tình hình và điều kiện phát triển của Trường; trong đó quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của đội ngũ CB, GV và NV. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được phân công, các đơn vị Phòng, Ban trực thuộc Nhà trường hằng năm đều thực hiện phân công công việc cụ thể đối với đội ngũ CB, NV; các Khoa thực hiện phân công giảng dạy đối với GV. Hằng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá phân loại công chức, viên chức với kết quả đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên chiếm tỷ lệ gần 99% so với tổng số CB, GV, NV Nhà trường.

Nhà trường đã ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động Trường CDSPTU Nha Trang vào năm 2009 và bổ sung, điều chỉnh, ban hành mới vào năm 2016. Nhà trường thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở thông qua nhiều hình thức khác nhau như: Bố trí các thùng thư góp ý, tổ chức giao ban định kỳ hằng tháng và Hội nghị CBVC hằng năm để CB, GV, NV phản ánh các vấn đề còn tồn tại của Trường, ban hành nội quy tiếp công dân. Tất cả văn bản liên quan, các quy định, quy chế, kế hoạch của Nhà trường đều được các tổ chức và đơn vị thảo luận, góp ý trước khi ban hành chính thức.

Nhà trường đã xác định chiến lược phát triển đội ngũ CB, GV, NV với các mục tiêu chiến lược cụ thể được thể hiện trong Kế hoạch phát triển giai đoạn 2011 – 2015, Báo cáo thực trạng và định hướng quy hoạch phát triển Nhà trường giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn 2025; ban hành văn bản quy định cụ thể về quy trình tuyển dụng cán bộ, viên chức và đã thực hiện tuyển dụng công khai, rõ ràng, minh bạch.

Nhà trường đã ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng và quy chế chi tiêu nội bộ trong đó quy định chế độ về thời gian, kinh phí đối với CB tham gia hội thảo trong nước và nước ngoài, tham gia và hoàn thành chương trình đào tạo sau đại học nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Nhà trường luôn chú trọng đào tạo và phát triển các GV trẻ. Trong giai đoạn 2012 – 2017, 06 giảng viên của Nhà trường tham gia làm nghiên cứu sinh và 30 giảng viên tham gia học cao học.



Nhà trường có đủ thành phần GV cơ hữu theo quy chuẩn mở ngành đối với tất cả các CTĐT của Trường. Độ tuổi trung bình của đội ngũ giảng viên Nhà trường hiện nay là: 38,8 và ở độ tuổi trung bình hợp lý (khoảng 35-50). Số lượng GV tính chung cho toàn trường đạt tỷ lệ 21,8 SV/GV, trong đó số lượng GV có trình độ từ ThS trở lên đạt tỷ lệ 61,8%. Tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi của Nhà trường đáp ứng theo đề án mở ngành đối với các ngành đào tạo và giảm dần qua từng năm. Đội ngũ GV của Nhà trường cơ bản đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định, được phân công giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo. Nhà trường triển khai đa dạng các hình thức đánh giá GV như: dự giờ phân loại GV, thao giảng và thi GV giỏi cấp Trường, thanh tra giáo dục, khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV, phân loại lao động và bình xét thi đua hằng năm. Trong những năm qua, đa số GV của Nhà trường được tập thể đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên. Nhiều GV đạt danh hiệu thi đua các cấp, được nhận Bằng khen của tỉnh Khánh Hòa, của Bộ GD&ĐT và Chính phủ.

Nhà trường có đủ đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên có năng lực chuyên môn phục vụ cho các hoạt động của Trường. Nhà trường có chính sách hỗ trợ đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Tất cả đội ngũ kỹ thuật viên và nhân viên của Nhà trường hằng năm được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó một số chuyên viên đã thực hiện NCKH, đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

Năm 2010, Nhà trường ban hành Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV. Hằng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV.

#### **6) Người học**

Nhà trường đã hướng dẫn và cung cấp đầy đủ cho người học các thông tin về CTĐT, quy chế đào tạo. Người học được bảo đảm hưởng mọi chế độ chính sách xã hội theo quy định của Nhà nước. Nhà trường đã đầu tư thích đáng cho CSVC phục vụ các hoạt động TDTT, văn hóa văn nghệ; đã tạo điều kiện để các hoạt động của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên được thực hiện có hiệu quả, thu hút nhiều SV tham gia các phong trào văn hóa văn nghệ, TDTT, qua đó rèn luyện ý thức chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho SV. Nhà trường đã có các biện pháp hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp.

#### **7) Nghiên cứu khoa học; ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ**

Trong giai đoạn 2012-2017, hằng năm, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch KHCN phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Trường. Nhà trường đã ban hành

nhiều quy chế, quy định liên quan đến hoạt động KHCN. Các hoạt động KHCN của Trường đều được tổng kết và báo cáo rộng rãi trong CB, GV, NV hằng năm và từng giai đoạn.

Nhà trường thường xuyên tạo điều kiện cho CB, SV về hoạt động NCKH, SKKN như: Thành lập hội đồng tư vấn nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở của CB, GV hằng năm; hướng dẫn viết SKKN (năm 2013); phân công thành viên tư vấn, góp ý đề cương NCKH của SV từng năm học...

Trong giai đoạn 2012-2017, CB, GV của Nhà trường đã nghiệm thu và đang thực hiện được 34 đề tài NCKH cấp cơ sở, 05 đề tài cấp Bộ; tham gia 01 đề tài thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ cấp Quốc gia, 01 dự án liên kết với các đối tác châu Âu (dự án CLEMA). Nhà trường đã có 80 bài báo đăng trên các tạp chí trong nước, 444 bài đăng trên các kỷ yếu Hội thảo trong nước, 13 bài đăng trên kỷ yếu Hội thảo quốc tế.

Nhà trường rất chú trọng đến việc biên soạn giáo trình, đề cương bài giảng phục vụ cho việc dạy học. Qua 3 lần điều chỉnh CTĐT, Nhà trường đã có 950 đề cương bài giảng được biên soạn. Qua khảo sát thực tế của Đoàn ĐGN, hầu hết cựu SV, SV và GV được phỏng vấn đều hài lòng với tài liệu học tập.

Nhà trường đã thực hiện tốt hoạt động kết hợp NCKH với đào tạo. Tất cả các đề tài NCKH của Nhà trường được nghiệm thu trong giai đoạn 2012-2017 đều gắn với giải quyết nhu cầu dạy học, quản lý đào tạo của Trường. Hầu hết các bài báo hay bài viết tham gia Hội thảo đều tập trung giải quyết các vấn đề liên quan đến việc giảng dạy của GV hoặc học tập của SV.

#### **8) Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác**

Nhà trường bố trí thư viện rộng rãi, thoáng mát, đáp ứng nhu cầu sử dụng của CB, GV và SV. Thư viện Nhà trường hiện có 16.617 đầu sách, báo, tạp chí với 155.340 quyển. Trong đó, số đầu sách gắn với ngành đào tạo có cấp bằng là 10.317 đầu sách với 118.862 cuốn. Từ năm 2012 đến 2017, Nhà trường đã bổ sung 2.739 đầu sách với 65.578 quyển sách (trị giá 2.479.291.100 đ). Kiểm tra ngẫu nhiên 6 chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng, mỗi chương trình chọn 5 học phần, mỗi học phần chọn 1 TÀI LIỆU THAM KHẢO bắt buộc và 1 TÀI LIỆU THAM KHẢO thêm, kết quả tìm được 60 TÀI LIỆU THAM KHẢO. Nhà trường có đủ tài liệu, sách tạp chí để tham khảo và học tập theo yêu cầu của CTĐT theo quy định và đã được bổ sung hằng năm theo yêu cầu của các khoa. Thư viện Nhà trường quản lý bằng phần mềm PSC6.0 từ năm 2003 cùng với hệ thống cổng từ, hệ thống camera, máy quét từ, máy quét mã vạch tạo điều kiện thuận lợi cho SV, CBVC tra cứu, mượn trả tài liệu, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác quản lý

Thư viện. Thư viện Nhà trường đã thu hút được đông đảo bạn đọc với hơn gần 700.000 lượt đến học/đọc sách tại thư viện hằng năm và hơn 23.000 lượt đọc giả mượn sách của thư viện.

Tổng diện tích đất sử dụng của trường là 86.938,3m<sup>2</sup>, trong đó có 01 khu nhà 4 tầng A5 làm khu hành chính tập trung với diện tích là 1.426m<sup>2</sup>, gồm 44 phòng làm việc cho CB, GV và NV của các khoa, phòng, ban trong toàn trường. Nhà trường có 08 khu giảng đường cao tầng phục vụ cho 09 chuyên ngành đào tạo với tổng diện tích đạt 14.750m<sup>2</sup>. Nhà trường có đủ diện tích lớp học theo quy định, có KTX cho SV, bình quân đạt 8,1m<sup>2</sup>/1SV; có đầy đủ trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, TDTT phục vụ SV. Nhà trường có 31 phòng thực hành và 01 trường MNTN, tổng diện tích là 11,620m<sup>2</sup>, bình quân đạt 4,6m<sup>2</sup>/1SV. Các phòng thực hành của Nhà trường được đầu tư trang thiết bị phù hợp với đặc thù riêng của các ngành đào tạo.

Nhà trường đã ban hành các văn bản về PCCC, bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho CB, GV, NV và SV; có phương án phối hợp chặt chẽ với công an và chính quyền địa phương trong công tác an ninh trật tự, bảo vệ tài sản, phòng chống thiên tai. Nhà trường có tổ bảo vệ chuyên trách, lực lượng này được tổ chức tham gia huấn luyện nghiệp vụ đảm bảo cho công tác an ninh trật tự trong trường.

### **9) Tài chính và quản lý tài chính**

Nhà trường thực hiện chế độ tự chủ tài chính, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP và Thông tư 71/2006/TT-BTC trong quản lý tài chính cũng như quy định quản lý tài chính của trường. Nhà trường có nguồn thu tài chính đa dạng từ nhiều nguồn. Cơ cấu nguồn thu từ năm 2012 đến 2017 bình quân mỗi năm của Nhà trường chủ yếu là ngân sách nhà nước cấp chiếm (74,5%), thu học phí từ các hệ đào tạo (11,8%) và thu từ Trường MNTN (7,8%). Bên cạnh 3 nguồn thu này, Nhà trường đã có giải pháp để tạo các nguồn tài chính hợp pháp khác như thu từ hoạt động đấu thầu căng-tin, nhà xe, thu từ các khoản thu khác (5,9%).

Nhà trường đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ để quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi được áp dụng thống nhất, công khai trong toàn Trường. Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường được rà soát, điều chỉnh 3 lần cho phù hợp với điều kiện thực tế.

Công tác quản lý tài chính của Nhà trường được thực hiện theo đúng quy định về chế độ tài chính. Công tác quản lý tài chính của Nhà trường được công khai, minh bạch theo đúng quy định, cụ thể là báo cáo tài chính hằng năm được Trường đăng lên website nội bộ và báo cáo tại hội nghị cán bộ viên chức định kỳ. Kết quả kiểm toán về việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản nhà nước năm 2015 của

Trường được Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành III đánh giá tốt về tính hiệu quả trong quản lý, sử dụng tài sản, nhà đất và các nguồn kinh phí.

Các báo cáo tài chính công khai trong nội bộ Nhà trường được chuyển đổi từ mã hoá theo tài khoản, mục lục ngân sách sang các nhóm nội dung chi cụ thể để CB, GV hiểu, biết, kiểm tra và giám sát các hoạt động tài chính của đơn vị.

#### **10) Quan hệ giữa nhà trường và xã hội**

Nhà trường đã thiết lập được quan hệ với một số cơ sở văn hóa, nghệ thuật, TDTT ở địa phương (Công ty Nhạc cụ Lê Mai, Chi hội Vovinam - Việt Võ Đạo thành phố Nha Trang) và phối hợp tổ chức được nhiều hoạt động văn hóa văn nghệ, TDTT.

Nhà trường đã phối hợp với chính quyền và các cơ quan, đoàn thể ở địa phương (Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Vĩnh Ngọc, thành phố Nha Trang; Tỉnh đoàn Khánh Hòa; Thành đoàn Cam Ranh; Chi đoàn Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động số 2; Chi đoàn Sĩ Lao động Thương binh Xã hội tỉnh Khánh Hòa ) tổ chức nhiều hoạt động văn hóa – xã hội.

Nhà trường đã nhận được nhiều hình thức khen thưởng đối với những kết quả đạt được trong việc phối hợp các cơ sở văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao ở địa phương để tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, TDTT.

**PHỤ LỤC 3**  
**CÁC KHUYẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG NHÀ TRANG**  
(Kèm theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐKĐCLGD ngày 22 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHĐN)

**1) Sứ mạng và mục tiêu của trường cao đẳng**

Nhà trường cần có kế hoạch phổ biến rộng rãi và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về sứ mạng của Trường. Nhà trường cần tiếp tục triển khai việc khảo sát nhu cầu nguồn nhân lực tại các địa phương lân cận (không chỉ khu trú ở tỉnh Khánh Hòa, tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Đắk Lắk) để có thêm cơ sở dữ liệu cho định hướng phát triển của Trường. Nhà trường cần rà soát, bổ sung điều chỉnh Chiến lược phát triển cho giai đoạn mới, xây dựng các kế hoạch trung hạn, ngắn hạn và có những giải pháp cụ thể nhằm triển khai thực hiện mục tiêu đề ra đồng thời tổ chức đánh giá việc thực hiện mục tiêu hằng năm hoặc/và trong một giai đoạn nhất định.

**2) Tổ chức và quản lý**

Nhà trường cần điều chỉnh và bổ sung kịp thời các văn bản của trường theo đúng quy định của các cấp có thẩm quyền, đặc biệt các văn bản về quy định, quy chế; cần rà soát, bổ sung đầy đủ các đơn vị trong cơ cấu tổ chức cũng như các thông tin trên website của trường. Nhà trường cần nhanh chóng tiến hành các bước thành lập Hội đồng trường trong năm 2018; tiếp tục kiện toàn Hội đồng KH&ĐT, mời những người có uy tín khoa học ngoài trường tham gia Hội đồng; sớm thành lập bộ phận Thanh tra và Pháp chế, bổ sung nhân sự nhằm tăng cường hoạt động cho Phòng TC-CB và Phòng KH&HTQT.

Nhà trường cần nghiên cứu, rà soát nhu cầu của các đối tượng liên quan để xem xét khả năng phát triển các trung tâm và Trường MNTH theo lộ trình tự chủ một phần và sau đó là tự chủ hoàn toàn trên nguyên tắc đảm bảo chức năng, nhiệm vụ quy định và có đóng góp cho sự phát triển của Trường. Đoàn Thanh niên và Hội SV cần thực hiện đợt khảo sát ý kiến của toàn thể SV, đánh giá tính hiệu quả và tính phong phú của các hoạt động để có kế hoạch xây dựng các hoạt động thu hút đông đảo SV tham gia. Nhà trường cần có kế hoạch thành lập Hội cựu giáo chức, Hội cựu sinh viên giúp tăng cường các mối liên hệ giữa cựu SV và Nhà trường, đồng thời tăng cường quảng bá hình ảnh và uy tín của Trường trong xã hội.

Nhà trường cần rà soát kế hoạch dài hạn về phát triển đội ngũ, có chính sách khuyến khích phù hợp cho CBQL và GV nâng cao trình độ tiếng Anh và tin học. Nhà trường cần có kế hoạch làm việc với Tỉnh ủy để nâng cao chỉ tiêu cho CB, GV theo học các khóa chính trị trung cấp, cao cấp.

Nhà trường cần rà soát kế hoạch dài hạn, xây dựng kế hoạch trung hạn và ngắn hạn cho giai đoạn tới; cần có kế hoạch tập huấn và triển khai TĐG kiểm định chất lượng CTĐT để có cơ sở đăng ký kiểm định chất lượng CTĐT theo lộ trình xác định. Nhà trường cần xây dựng mạng lưới/hệ thống ĐBCL trong toàn Trường, có kế hoạch tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho CB, GV nói chung và cho Phòng ĐBCL nói riêng.

### **3) Chương trình đào tạo**

Khi xây dựng mới hoặc điều chỉnh CTĐT, Nhà trường cần tham khảo kịp thời những văn bản quy phạm hiện hành của Bộ GD&ĐT, có đối sánh với các CTĐT của các trường ĐH, CĐ có uy tín trong và ngoài nước.

Nhà trường cần khảo sát sâu hơn nhu cầu sử dụng nhân lực tại địa phương và khu vực Nhà trường đảm trách đào tạo; có kế hoạch và phương thức phù hợp lấy ý kiến đóng góp của nhà tuyển dụng, cựu sinh viên, các chuyên gia và CB, GV các khoa, bộ môn tại Trường trước khi thực hiện việc xây dựng mới hoặc điều chỉnh CTĐT. Các CTĐT cần được đánh giá đồng cấp và/hoặc kiểm định chất lượng trong chu kỳ được đánh giá.

Nhà trường cần điều chỉnh CTĐT theo hướng tăng thời gian thực hành tại Trường, tăng thời gian thực tập, thực tế tại các cơ sở. Ngoài ra, Nhà trường cần bổ sung chương trình tự chọn hoặc ngoại khóa về phát triển kỹ năng mềm cho SV.

### **4) Hoạt động đào tạo**

Nhà trường cần tăng cường công tác quảng bá tuyển sinh đa dạng hơn, thường xuyên hơn, không những qua trang thông tin điện tử mà có thể sử dụng các trang mạng xã hội: facebook, zalo... cùng với những ấn phẩm, quà lưu niệm, thông tin về hình ảnh của Nhà trường. Nhà trường cần khảo sát nhu cầu của địa phương, của xã hội để điều chỉnh phát triển ngành nghề phù hợp với nhu cầu của xã hội, đáp ứng phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Nhà trường cần tiếp tục khảo sát và công khai số liệu thống kê về người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo định kỳ, thường xuyên; phân công, phân nhiệm rõ ràng và có biện pháp, chế tài yêu cầu các bộ phận liên quan thực hiện nghiêm túc. Nhà trường cần triển khai nhiều hình thức khảo sát, điều tra như: phiếu khảo sát, phỏng vấn, email, điện thoại, gia đình, trực tuyến...; mở rộng đối tượng được khảo sát: sinh viên, cựu sinh viên, các đơn vị sử dụng lao động, giảng viên...; đồng thời mở rộng lĩnh vực khảo sát như: hoạt động giảng dạy, hoạt động kiểm tra đánh giá, nguyện vọng của người học, nhu cầu của xã hội, mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng...

Nhà trường cần thường xuyên rà soát hệ thống văn bản quy phạm nội bộ cùng với việc nâng cấp phần mềm quản lý đào tạo, website nhằm lưu trữ đầy đủ

thông tin về người học, thông tin về người tốt nghiệp; thường xuyên bổ sung, điều chỉnh, cập nhật CTĐT, đổi mới phương pháp dạy học để nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu của người học và yêu cầu sử dụng lao động của các nhà tuyển dụng. Ngoài ra, Nhà trường cần thường xuyên thanh tra, kiểm tra các hoạt động thi cử, lưu giữ bài thi, lưu trữ kết quả, đối chiếu kết quả. Công khai hóa, minh bạch hóa hơn nữa mọi lĩnh vực trong hoạt động đào tạo.

### **5) Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên**

Nhà trường cần khảo sát nhu cầu của CB, GV, NV về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và xây dựng kế hoạch dài hạn, kế hoạch hằng năm về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đối với đội ngũ CB, GV, NV. Hằng năm, Nhà trường cần định kỳ tổ chức và phối hợp tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng phương pháp giảng dạy và đổi mới phương pháp giảng dạy cho GV trẻ; thường xuyên tổ chức các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên, đặc biệt là bồi dưỡng các kỹ năng mềm; định kỳ tổ chức các lớp bồi dưỡng tiếng Anh và bồi dưỡng tin học cho đội ngũ GV đồng thời tăng cường chế độ hỗ trợ cũng như thực hiện các chế tài nhằm đảm bảo tất cả GV của Nhà trường đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ và tin học theo quy định.

Nhà trường cần tăng cường định kỳ (tối thiểu 02 năm/lần) tuyển dụng GV nhằm bổ sung số lượng GV có học vị sau đại học của Trường. Nhà trường cần khẩn trương ban hành kế hoạch dài hạn về cử GV tham gia học tập sau đại học trong đó chú trọng đối với bậc TS, đồng thời tăng cường chế độ hỗ trợ đối với GV làm nghiên cứu sinh nhằm tăng cường tỷ lệ GV có học vị TS của Trường; xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ GV và có kế hoạch tuyển dụng GV có trình độ sau đại học, đặc biệt là đối với ngành đào tạo giáo dục mầm non.

Nhà trường cần tăng cường tuyên truyền, phổ biến, theo dõi, giám sát, hỗ trợ CB, GV, NV thực hiện công việc theo chức năng, nhiệm vụ được phân công và kế hoạch công tác năm học đã đăng ký nhằm đảm bảo tất cả CB, GV, NV Trường hoàn thành nhiệm vụ năm học.

Hằng năm, Nhà trường cần tổ chức đánh giá và báo cáo về việc thực hiện quy chế dân chủ từ cấp đơn vị trực thuộc đến cấp Trường. Nhà trường cần khẩn trương thực hiện tiếp CB, GV, NV định kỳ hằng tháng và thể hiện cụ thể trên lịch công tác hằng tuần của Trường. Nhà trường cần quy định về việc tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV trong kế hoạch công tác hằng năm của Trường.

### **6) Người học**

Nhà trường cần tổ chức khảo sát bằng nhiều hình thức khác nhau: phiếu hỏi, phỏng vấn, hội thảo, tọa đàm... đặc biệt, áp dụng hình thức trực tuyến để có thông

tin tham khảo về hoạt động giảng dạy của GV, về tâm tư, nguyện vọng của người học.

Nhà trường cần mở rộng, tăng cường quan hệ với các đơn vị sử dụng lao động để hỗ trợ SV tìm được việc làm phù hợp với ngành được đào tạo; đổi mới công tác phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước bằng cách mời các chuyên gia, báo cáo viên có chuyên môn giỏi, năng lực tuyên truyền tốt đến nói chuyện hoặc báo cáo chuyên đề.

### **7) Nghiên cứu khoa học; ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ**

Nhà trường cần xây dựng Chiến lược/Kế hoạch dài hạn, trung hạn gắn với sứ mạng của Trường và nhu cầu phát triển về GD&ĐT của địa phương tỉnh Khánh Hòa và khu vực miền Trung, Tây Nguyên; tăng cường hỗ trợ các đơn vị trực thuộc xây dựng và triển khai hiệu quả kế hoạch thực hiện mục tiêu chiến lược KHCN Nhà trường đã định hướng và ban hành.

Nhà trường cần định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung một cách phù hợp các quy định về quản lý, tổ chức, triển khai hoạt động KHCN của Trường theo hướng động viên, khích lệ CB, GV, NV tích cực tham gia NCKH trong và ngoài Trường.

Nhà trường cần mở rộng hợp tác với cá nhân và tổ chức đơn vị ngoài trường, hình thành các nhóm nghiên cứu - giảng dạy (TRT) để tăng số lượng và quy mô đề tài NCKH, dự án; động viên CB, GV phấn đấu đăng bài trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước (thuộc danh mục ISI, Scopus...).

Nhà trường cần đánh giá một cách đầy đủ về hiệu quả của các công trình NCKH đã được thực hiện. Trên cơ sở khảo sát thực tiễn nhu cầu giáo dục tại địa phương, Nhà trường cần ban hành những định hướng và giải pháp tổ chức hoạt động NCKH phù hợp.

Nhà trường cần mở rộng hợp tác với các trường ĐH, CĐ, các tổ chức có năng lực NCKH mạnh ở trung ương hoặc địa phương, kể cả các đơn vị ở nước ngoài để phối hợp thực hiện các đề tài NCKH mang tính thực tiễn cao, góp phần giải quyết vấn đề của địa phương như sứ mạng của Nhà trường đã công bố.

Nhà trường cần đăng ký và sớm hoàn thành các thủ tục xin phép xuất bản Tập san hoặc Tạp chí khoa học trực thuộc Trường; thực hiện đầy đủ quy định của Nghị định 99/NĐ-CP về phân bổ kinh phí dành cho NCKH.

### **8) Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác**

Nhà trường cần hoàn thiện bản Quy hoạch tổng thể 1/500 về sử dụng và phát triển CSVC của Trường và trình UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt; đầu tư xây dựng thư viện điện tử để phục vụ hoạt động học tập và nghiên cứu của người học và giảng viên. Thư viện Nhà trường cần kết nối với cơ sở dữ liệu của các thư viện



khác trong và ngoài nước và các nguồn cơ sở dữ liệu trực tuyến nước ngoài để bổ sung nguồn tài liệu; tăng số lượng máy tính phục vụ ở thư viện để hỗ trợ SV tra cứu tài liệu và tìm kiếm thông tin.

Nhà trường cần cải tạo, nâng cấp, xây mới các khu giảng đường đã xuống cấp để đảm bảo chất lượng dạy và học; có kế hoạch cải tạo hoặc xây mới thay thế các KTX B1, B2, B3 đã xuống cấp để đáp ứng nhu cầu KTX cho SV. Nhà trường cần thay thế các trang thiết bị đã cũ, không đảm bảo chất lượng trong các phòng thực hành để nâng cao hiệu quả dạy và học; kết hợp quản lý các phòng thực hành với lịch trình đào tạo một cách hợp lý để khai thác tối đa hiệu năng các trang thiết bị trong các phòng thực hành.

Nhà trường cần ưu tiên đầu tư xây dựng phòng làm việc cho các bộ môn để giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập có điều kiện trao đổi chuyên môn với SV và giữa các CB, GV khác trong tổ, trong khoa; phủ sóng wifi toàn trường phục vụ hoạt động học tập, nghiên cứu của người học; tăng số lượng máy tính phục vụ hoạt động học tập và nghiên cứu lên mức 10 SV/1 máy.

Nhà trường cần xây dựng hệ thống tường rào bảo vệ nhà đa năng; xây bờ kè, tường rào bao quanh để tránh kẻ gian xâm nhập trái phép gây mất an ninh trật tự trong Trường. Nhà trường cần xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ với công an địa phương trong việc đảm bảo an ninh trật tự; thiết lập đường dây nóng giữa Trường và cơ quan công an để đảm bảo phản ánh và xử lý kịp thời những trường hợp mất an ninh trật tự.

Nhà trường cần điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ khi Bộ GD&ĐT ban hành thông tư hướng dẫn cụ thể Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 về việc quy định cơ chế tự chủ của đơn vị công lập.

### **9) Tài chính và quản lý tài chính**

Nhà trường cần mở rộng quan hệ HTQT, tranh thủ sự hỗ trợ của các đối tác về cả CSVC, tài chính để đầu tư phát triển Trường. Nhà trường cần tăng cường mở rộng các loại hình liên kết đào tạo; triển khai, mở rộng nghiên cứu các đề tài khoa học có tính ứng dụng cao đáp ứng nhu cầu của các địa phương để có thể mang lại nguồn thu về cho Trường.

Nhà trường cần nghiên cứu để điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ, tăng mức chi cho hoạt động NCKH và các chế độ khuyến khích cho các sản phẩm của các đề tài NCKH của Nhà trường; điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ trên cơ sở bổ sung Nghị định 99/2014/NĐ-CP.

## **10) Quan hệ giữa nhà trường và xã hội**

Nhà trường cần khẩn trương ký kết các văn bản hợp tác với các cơ quan thông tin đại chúng ở địa phương; với chính quyền và các cơ quan, đoàn thể ở địa phương để thực hiện các hoạt động văn hóa xã hội.

Hằng năm, Nhà trường cần tổ chức đánh giá hiệu quả của công tác phối hợp để từ đó áp dụng các biện pháp tăng cường công tác phối hợp giữa Trường với các cơ sở văn hóa, nghệ thuật, TDTT, thông tin đại chúng ở địa phương.